

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 164/2010/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

Về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước để áp dụng cho giai đoạn năm 2011-2015. Chi tiết cụ thể như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2010 và áp dụng cho năm ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2007; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi thì phải thông qua Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa V, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Đào Tấn Lộc

Phụ lục
QUY ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2011-2015 TỈNH PHÚ YÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 164/2010/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Nông, lâm và thủy sản: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình dự án thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại, bảo vệ và phát triển rừng; hạ tầng nuôi trồng thủy sản, tránh trú bão cho tàu thuyền, cảng cá và các công trình hạ tầng nghề cá.

2. Công nghiệp: Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên và hạ tầng các khu công nghiệp, cụm, điểm công nghiệp; mạng lưới điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn khó khăn.

3. Giao thông vận tải: Xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn; cảng biển.

4. Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải.

5. Kho tàng: Xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thuộc hệ thống kho tàng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

6. Văn hóa: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án bảo tồn, bảo tàng, thư viện.

7. Thể thao: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

8. Thông tin và truyền thông: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình.

9. Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ như: phòng thí nghiệm, xưởng thí nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; xây dựng và cải tạo các công trình công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và xây dựng cổng thông tin của tỉnh.

10. Giáo dục và đào tạo: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án hạ tầng cho các cấp giáo dục và đào tạo: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, các trường dạy nghề, cao đẳng và đại học.

11. Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án trạm xá xã, phường, thị trấn; bệnh viện tuyến huyện, liên huyện; các bệnh viện

chuyên khoa tinh; các trung tâm y tế dự phòng; phòng kiểm nghiệm về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

12. Xã hội: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già, người tàn tật và các công trình trợ giúp xã hội khác.

13. Tài nguyên và môi trường: Xây dựng và cải tạo các công trình, dự án quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.

14. Quản lý nhà nước: Xây dựng và cải tạo trụ sở, nơi làm việc của cơ quan Đảng, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn; trụ sở các sở, ban, ngành; trụ sở một số hội, đoàn thể.

15. Quốc phòng, an ninh: Hỗ trợ đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình, dự án quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

II. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

a) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 gồm:

- Cơ quan của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và các cơ quan trực thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị xã hội;

- Đối với các tổ chức xã hội, hiệp hội và các tổ chức khác việc bố trí vốn sẽ được xem xét cụ thể từng công trình, dự án phục vụ cho các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể vì lợi ích công được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Bố trí vốn đầu tư cho các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh:

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh dựa trên cơ sở nhu cầu và khả năng cân đối vốn cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015;

Chỉ bố trí cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp và phục vụ lợi ích công;

Việc phân bổ vốn thực hiện dự án cho các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh theo ngành, lĩnh vực phải trên cơ sở các dự án có trong quy hoạch, các dự án có đủ thủ tục (các dự án mới phải được phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch).

c) Nguyên tắc bố trí vốn cho các công trình, dự án của các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh:

Căn cứ kế hoạch vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại điểm b nêu trên, các sở, ban, ngành đề xuất việc phân bổ vốn cho các công trình, dự án cụ thể theo các nguyên tắc sau:

- Các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được bố trí vốn phải phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành đề ra;
- Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt; có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng;
- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí cho các dự án quan trọng của tỉnh và các dự án lớn khác, các công trình, dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch, vốn đối ứng cho các dự án ODA; đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm; không bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án khi chưa xác định được rõ nguồn vốn;
- Phải dành một phần vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch;
- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối do các huyện, thành phố, thị xã quản lý

2.1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thành phố, thị xã:

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2011, là cơ sở để xác định số bổ sung cân đối của ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện, thành phố, thị xã, được ổn định trong 5 năm của giai đoạn 2011-2015.
- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng ven biển khó khăn và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong tỉnh.
- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.
- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.
- Mức vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) của từng địa phương không thấp hơn số vốn kế hoạch năm 2010.
- Nguồn vốn cân đối trong ngân sách được phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã chiếm 50-55% tổng nguồn Trung ương cân đối cho tỉnh.
- Tổng vốn đầu tư phát triển do các huyện, thành phố quản lý hàng năm gồm: 100% khoản thu tiền sử dụng đất, vốn đầu tư phát triển trong cân đối và vốn đầu tư

bổ sung có mục tiêu theo các chương trình, dự án lớn của Trung ương, vốn trái phiếu chính phủ (nếu có).

2.2. Nguyên tắc phân bổ vốn trong cân đối của các huyện, thành phố, thị xã cho các dự án:

Trên cơ sở tổng mức vốn đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các huyện, thành phố phân bổ vốn cho các công trình, dự án cụ thể. Việc phân bổ vốn cho các công trình, dự án phải được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

- Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt; có đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực kết cấu hạ tầng nông thôn, miền núi, phúc lợi xã hội; các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hóa; các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án lớn khác.

- Bảo đảm thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư, tạo sức hấp dẫn nhằm thu hút các nguồn vốn khác để đảm bảo mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn đầu tư trong toàn xã hội nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách hợp lý.

- Các địa phương phải tiếp tục dành đủ vốn trong kế hoạch để thanh toán các khoản nợ đầu tư và ứng trước năm kế hoạch.

2.3. Tiêu chí và phương pháp xác định điểm số của từng tiêu chí làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất):

2.3.1. Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối:

Căn cứ các nguyên tắc đã nêu ở trên, dự kiến các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối theo 5 nhóm sau đây:

- Tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí: số dân trung bình của các huyện, thành phố, thị xã và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố, thị xã.

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất).

- Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên của các huyện, thành phố, thị xã và diện tích đất trồng lúa để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm: tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số xã, thị trấn miền núi (khu vực I, II); số xã vùng cao thuộc khu vực III; số xã vùng ven biển khó khăn của từng huyện, thành phố, thị xã.

- Các tiêu chí bổ sung bao gồm:

+ Tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh;

+ Tiêu chí đô thị loại III, loại IV.

2.3.2. Xác định số điểm của từng tiêu chí:

a) Tiêu chí dân số: bao gồm tổng số dân số trung bình năm và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

- *Điểm của tiêu chí dân số:*

Quy định cứ 10.000 dân thì được 10 điểm;

Dân số của các huyện, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2009 được công bố của Cục Thống kê.

- *Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:*

Các huyện có số người dân tộc thiểu số dưới 500 người thì không tính điểm.

+ Từ 500 người đến dưới 5.000 người: tăng 1.000 người được tính 1 điểm;

+ Từ 5.000 người trở lên: tăng 2.000 người được tính 3 điểm.

Số người dân tộc thiểu số lấy theo số liệu báo cáo của Ban Dân tộc trong năm 2009.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: bao gồm các tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) của các huyện, thành phố, thị xã.

- *Điểm của tiêu chí hộ nghèo:*

+ Đối với các huyện, thành phố, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 2006-2010) dưới 5% thì không tính điểm cho tiêu chí này;

+ Đối với các huyện, thành phố, thị xã có tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 2006-2010) trên 5%, thì cứ 5% được tính 5 điểm.

Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thành phố, thị xã được xác định trên cơ sở số liệu báo cáo năm 2009 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

- *Điểm của tiêu chí thu nội địa:*

+ Thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) của địa phương nào dưới 10 tỷ đồng/năm được tính 5 điểm;

+ Thu từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng: tăng 1 tỷ đồng được tính 1 điểm;

+ Thu từ 20 tỷ đồng đến dưới 40 tỷ đồng: tăng 1 tỷ đồng được tính 1,2 điểm;

+ Thu từ 40 tỷ đồng trở lên: tăng 1 tỷ đồng được tính 1,5 điểm.

Số thu nội địa căn cứ trên số thu năm 2010 theo số liệu báo cáo của Sở Tài chính và Cục thuế trong tháng 10/2010 (số liệu xây dựng dự toán 2011).

c) Tiêu chí diện tích:

- *Tiêu chí diện tích đất tự nhiên:*

Số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

+ Dưới 5.000ha được tính 10 điểm;

+ Từ 5.000ha đến dưới 10.000ha: tăng 1.000ha được tính 3 điểm;

+ Từ 10.000ha đến dưới 50.000ha: tăng 2.000ha được tính 3 điểm;

+ Trên 50.000ha: tăng 1.000ha được tính 1 điểm.

Diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố, thị xã được lấy theo Niên giám thống kê năm 2009 do Cục Thống kê công bố.

- *Tiêu chí diện tích đất trồng lúa:*

Số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

- + Dưới 500ha được tính 3 điểm;
- + Từ 500ha đến dưới 1.000ha: tăng 100ha được tính 1 điểm;
- + Từ 1.000ha đến dưới 2.000ha: tăng 100ha được tính 1,2 điểm;
- + Từ 2.000ha đến 4.000ha: tăng 100ha được tính 1,5 điểm;
- + Trên 4.000ha, tăng 100ha được tính 2 điểm.

Diện tích đất trồng lúa của các huyện, thành phố, thị xã được lấy theo số liệu báo cáo kiểm kê đất đai trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã tháng 01/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn: bao gồm các tiêu chí: số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (khu vực I, II), bãi ngang ven biển khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (khu vực III).

- *Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:*

- + Có 9 xã, phường, thị trấn thì được tính 20 điểm;
- + Trên 9 xã, phường, thị trấn thì cứ tăng 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn được xác định theo số liệu Niên giám thống kê năm 2009 do Cục Thống kê công bố.

- *Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (khu vực I và II), bãi ngang ven biển khó khăn:*

- + Từ 1 đến 3 đơn vị thì mỗi đơn vị được tính 2 điểm;
- + Trên 3 đơn vị: tăng 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (khu vực I và II), xã bãi ngang ven biển khó khăn được xác định theo số liệu báo cáo năm 2009 của Ban Dân tộc và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội công bố.

- *Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng cao (khu vực III):*

- + Từ 1 đến 3 đơn vị thì mỗi đơn vị được tính 2 điểm;
- + Trên 3 đơn vị: tăng 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng cao (khu vực III) được xác định theo số liệu báo cáo năm 2009 của Ban Dân tộc.

đ) Tiêu chí bổ sung:

(1) *Tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:*

- Thành phố Tuy Hòa được cộng 25 điểm.
- Thị xã Sông Cầu được cộng 20 điểm.

(2) *Tiêu chí đô thị loại III, IV:*

- Đô thị loại III được cộng 25 điểm.
- Đô thị loại IV được cộng 20 điểm.

2.3.3. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các địa phương:

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố, thị xã và tổng số điểm của 9 huyện, thành phố, thị xã làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- *Điểm của tiêu chí dân số:*

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i ;

+ Gọi số điểm của dân số của huyện thứ i là h_i ;

+ Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số của huyện thứ i là k_i ;

Thì điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là: $A_i = h_i + k_i$

- *Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:*

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của huyện thứ i là l_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) của huyện thứ i là m_i ;

Thì điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là: $B_i = l_i + m_i$

- *Điểm của tiêu chí diện tích:*

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i ;

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của huyện thứ i là n_i ;

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa của huyện thứ i là o_i ;

Thì điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i sẽ là: $C_i = n_i + o_i$

- *Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:*

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn huyện thứ i là D_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn chung huyện thứ i là p_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (khu vực I và II), bãi ngang ven biển khó khăn của huyện thứ i là q_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (khu vực III) của huyện thứ i là r_i ;

Thì điểm của tiêu chí đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn huyện thứ i sẽ là: $D_i = p_i + q_i + r_i$

- *Điểm của tiêu chí bổ sung:*

+ Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung là E_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là s_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đô thị là t_i ;

Thì tổng số điểm của tiêu chí bổ sung sẽ là: $E_i = s_i + t_i$

- *Tổng số điểm của huyện thứ i là H_i , ta có: $H_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$*

- *Tổng số điểm của 9 huyện, thành phố, thị xã là Q , ta có:*

$$Q = \sum_{i=1}^9 H_i$$

Với cách tính điểm cho từng tiêu chí nêu trên thì tổng số điểm của các huyện, thành phố, thị xã như sau:

Tổng số điểm: 3.080,00 điểm.

- Thành phố Tuy Hòa: 479,38 điểm.

- Thị xã Sông Cầu: 300,22 điểm.

- Huyện Đồng Xuân: 325,68 điểm.

- Huyện Tuy An: 363,94 điểm.

- Huyện Sơn Hòa: 314,78 điểm.

- Huyện Phú Hòa: 282,77 điểm.

- Huyện Sông Hinh: 338,26 điểm.

- Huyện Tây Hòa: 390,99 điểm.

- Huyện Đông Hòa: 283,96 điểm.

b) Số vốn định mức phân bổ cho 1 điểm được tính theo công thức:

Gọi K là tổng vốn trong cân đối ngân sách tỉnh dự kiến phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã.

Gọi G là số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, ta có:

$$G = \frac{K}{Q}$$

c) Tổng số vốn trong cân đối ngân sách của từng huyện, thành phố, thị xã được tính theo công thức:

Gọi X_i là số vốn trong cân đối của huyện thứ i: $X_i = G \times H_i$

2.4. Điều chỉnh những bất hợp lý sau khi phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thành phố, thị xã theo các tiêu chí và định mức trên, để đảm bảo nguyên tắc vốn đầu tư của năm 2011, năm đầu thời kỳ ổn định không thấp hơn dự toán năm trước mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao. Đối với các địa phương có số vốn thấp hơn dự toán năm 2010 (theo số Ủy ban nhân dân tỉnh giao) sẽ được điều chỉnh không thấp hơn số dự toán năm 2010.

2.5. Đối với đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất:

Đối với các khoản đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: ngân sách địa phương sử dụng toàn bộ khoản thu này để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương và tạo nguồn vốn để giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển.

2.6. Đầu tư trong cân đối của các huyện, thành phố, thị xã:

Đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2011, năm đầu thời kỳ ổn định làm cơ sở để tính số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các địa phương là số đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức trên đây và toàn bộ các khoản thu sử dụng đất của địa phương theo dự toán số thu này năm 2011.

Đầu tư trong cân đối các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2011-2015 của các huyện, thành phố được tính toán căn cứ trên cơ sở số đầu tư trong cân

đổi theo tiêu chí và định mức mới nêu trên trong thời kỳ ổn định và dự toán số thu sử dụng đất hàng năm của các địa phương.

3. Các nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho địa phương

a) Nguyên tắc phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu:

- Đối với các mục tiêu cụ thể (ví dụ: Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế, nâng cấp đê biển,...) thì sẽ được giao đúng theo mục tiêu Chính phủ giao;

- Đối với các công trình có mục tiêu tổng quát (*như Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135, Mục tiêu thực hiện Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị,...*), dựa vào các tiêu chí đã được hướng dẫn của từng chương trình mà xây dựng tiêu chí cho phù hợp.

b) Danh mục các chương trình được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương:

Trên cơ sở Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg, dự kiến trong giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện 22 chương trình mục tiêu quốc gia và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương như sau:

(1) Các chương trình mục tiêu quốc gia: sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015 và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ tỉnh sẽ thực hiện theo các tiêu chí định mức này.

(2) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ (Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị)

- *Đối tượng đầu tư và hỗ trợ đầu tư:*

+ Các huyện, thành phố, thị xã. Trong đó ưu tiên đầu tư cho 3 huyện miền núi là Sông Hinh, Đồng Xuân và Sơn Hòa.

+ Đối với 3 huyện miền núi là Sông Hinh, Đồng Xuân và Sơn Hòa thêm chương trình thực hiện hỗ trợ các huyện giáp Tây Nguyên.

+ Không bố trí vốn đối với các công trình, dự án được đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- *Tiêu chí, định mức áp dụng cho việc phân bổ vốn được xác định như sau:*

+ Tiêu chí dân số: theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối quy định trên đây.

+ Tiêu chí diện tích: theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối quy định trên đây.

+ Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện: theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối quy định trên đây.

+ Tiêu chí tốc độ tăng dự toán thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) hàng năm để khuyến khích các địa phương phấn đấu tăng thu nộp ngân sách nhà nước và khắc phục những bất cập trong thời kỳ ổn định không điều chỉnh được tỷ lệ điều tiết và số vốn hỗ trợ có mục tiêu trong cân đối từ ngân sách Trung ương cho các địa phương.

(3) Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang và nâng cấp hệ thống đê sông

Thực hiện theo các Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang và Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 phê duyệt Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020.

- Nguyên tắc bố trí vốn đầu tư phát triển:

+ Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch, đã hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định.

+ Ưu tiên bố trí cho các công trình đê biển thuộc địa bàn các huyện, thành phố, thị xã ven biển, các dự án cấp bách, tập trung đảm bảo tiến độ vượt lũ cho các công trình đang xây dựng dở dang.

- Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

(4) Chương trình phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản

Thực hiện theo Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 thời gian thực hiện đến năm 2020.

- Đối tượng đầu tư và hỗ trợ đầu tư:

+ Các Trung tâm giống cấp tỉnh.

+ Một số vùng sản xuất giống trọng điểm.

- Nội dung đầu tư:

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống cấp tỉnh.

+ Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cơ sở bảo quản, chế biến,... cho một số vùng sản xuất giống trọng điểm.

+ Cơ sở vật chất sản xuất giống, vườn giống, rừng giống, giống thủy sản.

+ Cơ sở vật chất cho hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng giống.

- Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

(5) Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền

Thực hiện theo Quyết định số 288/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

- Mục tiêu và hạng mục đầu tư: tập trung hoàn thành các khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông và khu vực Đông Tác và một số khu neo đậu tàu thuyền khác.

Thực hiện bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo 4 hạng mục: Nạo vét luồng vào (bao gồm cả vận tải và kè tạm nơi đổ đất cát nạo vét); xây dựng đê chắn sóng, chắn cát; trụ neo, phao neo; hệ thống đèn tín hiệu.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các dự án nằm trong quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định.

Ưu tiên bố trí vốn trước hết cho các công trình dở dang có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.*

(6) Đầu tư cho 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008

Ủy ban nhân dân tỉnh đang đề nghị Chính phủ bổ sung 02 huyện Đồng Xuân và Sông Hinh vào danh sách huyện nghèo theo Nghị quyết 30a, nếu được Chính phủ chấp thuận, tỉnh sẽ đầu tư cho 2 huyện Sông Hinh và Đồng Xuân theo tiêu chí do Trung ương ban hành.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.*

(7) Chương trình di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1342/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012.

- *Nguyên tắc bố trí vốn đầu tư phát triển:*

+ Căn cứ vào nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

+ Việc phân bổ vốn sẽ ưu tiên cho các dự án cấp bách, các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc và chính sách hỗ trợ đã được quy định tại Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên cho các dự án dở dang, đang thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Ưu tiên cho các huyện miền núi.

(8) Chương trình bố trí di dân, định canh, định cư

Thực hiện theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng đoạn 2006-2010 và định hướng đến hết năm 2015.

- *Nguyên tắc bố trí vốn đầu tư phát triển:*

+ Đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các mục tiêu đề ra tại Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2006; có trong danh mục quy hoạch sắp xếp, bố trí lại dân cư được phê duyệt.

+ Căn cứ vào nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

(9) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển

- Đầu tư cho Khu kinh tế Nam Phú Yên.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện theo Quyết định số 126/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ

hàng năm đối với đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên.

(10) Hỗ trợ khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện theo Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2009 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

(11) Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

a) Nguyên tắc hỗ trợ nguồn vốn đầu tư phát triển:

Các cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã được hỗ trợ vốn có mục tiêu phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Cụm, điểm công nghiệp nằm trong quy hoạch phát triển cụm, điểm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt;

- Cụm công nghiệp có tác động quan trọng đến việc thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng lợi thế của địa phương nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phục vụ mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm hoặc nằm xen kẽ trong khu dân cư;

- Tính đến thời điểm hỗ trợ, cụm điểm công nghiệp phải có các doanh nghiệp cam kết đăng ký thuê đất ít nhất đạt 30% diện tích đất công nghiệp của cụm, điểm công nghiệp;

- Các dự án được hỗ trợ phải có trong quy hoạch cụm, điểm công nghiệp được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng;

- Đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước nội bộ;

- Hệ thống các công trình xử lý nước thải, chất thải tập trung.

c) Mức vốn hỗ trợ:

Mức vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục, công trình hạ tầng một cụm, điểm công nghiệp phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ và khả năng ngân sách của tỉnh nhưng tối đa không quá 08 tỷ đồng cho 01 cụm, điểm công nghiệp và mỗi địa phương không quá 02 cụm, điểm công nghiệp được hỗ trợ vốn đầu tư phát triển.

(12) Chương trình Biển Đông - Hải đảo

- Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Biển Đông - Hải đảo:

+ Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế biển do lãnh đạo Đảng, nhà nước giao cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện;

+ Các dự án phải nằm trong quy hoạch của vùng, tỉnh và phù hợp với quy hoạch của ngành;

+ Phù hợp nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

(13) Hỗ trợ đầu tư phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững

Thực hiện theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 và Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

+ Dự án được phê duyệt, đang thực hiện, có đủ các thủ tục theo quy định hiện hành.

+ Theo quy hoạch diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất đã được phê duyệt.

+ Theo quy hoạch diện tích đất trồng để trồng rừng đã được phê duyệt.

+ Theo diện tích rừng được quy hoạch cần khoanh nuôi, bảo vệ đã được phê duyệt.

- Về định mức:

+ Trồng rừng phòng hộ đặc dụng: 15 triệu đồng/ha.

+ Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bình quân 3 triệu đồng/ha.

+ Khoán quản lý bảo vệ rừng bình quân 200.000 đồng/ha/năm.

+ Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có kết hợp trồng bổ sung 1 triệu đồng/ha/6 năm (năm đầu 500.000 đồng/ha).

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng 10% tổng vốn.

+ Vốn quản lý 10% vốn lâm sinh (chủ dự án 8%, tỉnh 1,3%, Trung ương 0,7%).

(14) Hỗ trợ đầu tư các huyện mới chia tách

- Nguyên tắc và đối tượng hỗ trợ vốn đầu tư có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

+ Các huyện Phú Hòa, Đông Hòa và Tây Hòa. Ưu tiên cho các huyện mới chia tách từ năm 2004 trở lại đây.

+ Các dự án bố trí vốn phải có trong quy hoạch đã được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

+ Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp.

+ Không bố trí vốn cho các dự án đã được sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.

(15) Hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý

- Nguyên tắc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển:

+ Chỉ hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án được giao trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm do các sở, ngành và các địa phương trực tiếp quản lý, làm chủ dự án; hiệp định, văn kiện dự án đã được ký với nhà tài trợ hoặc các địa phương làm đầu mối thanh toán vốn nước ngoài.

+ Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (gồm cả dự án vay và viện trợ không hoàn lại), không bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp hoặc cho vay lại.

+ Đối với các dự án ODA tổng hợp (gồm nhiều lĩnh vực, nhiều cấu phần), chỉ tập trung hỗ trợ phần đầu tư phát triển.

+ Các dự án ODA được thực hiện trong kế hoạch nhà nước hàng năm.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ và cân đối ngân sách địa phương hàng năm.*

(16) Hỗ trợ đầu tư các trung tâm giáo dục, lao động xã hội

- Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

+ Ngân sách hỗ trợ một phần cho ngân sách địa phương, không đầu tư cho toàn bộ dự án.

+ Các dự án phải có trong quy hoạch, có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ.*

(17) Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh

- Nguyên tắc và đối tượng bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

+ Các bệnh viện chuyên khoa và cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.

+ Các dự án phải có trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư.

+ Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm kế hoạch; hạn chế tối đa việc khởi công mới.

+ Chỉ bố trí vốn đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đã đáp ứng được về cơ sở hạ tầng, nhà cửa và con người, nhưng chưa đủ thiết bị.

+ Không bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho các dự án thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ và cân đối ngân sách địa phương hàng năm.*

(18) Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được

- Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương:

+ Các công trình, dự án do sở, ban, ngành và các địa phương quản lý được lãnh đạo Đảng, nhà nước yêu cầu bố trí vốn đầu tư hàng năm.

+ Dự án có trong quy hoạch được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- *Mức vốn bố trí đầu tư cho các công trình, dự án phải phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ và theo mức vốn đã được lãnh đạo Đảng, nhà nước quyết định.*

(19) Chương trình tìm kiếm cứu nạn

Thực hiện theo Quyết định số 46/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

- *Nguyên tắc bố trí vốn:*

+ Các dự án có trong quy hoạch được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.*

(20) Đầu tư theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về hệ thống tư pháp

Thực hiện theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về hệ thống tư pháp.

- *Nguyên tắc bố trí vốn:*

+ Các dự án có trong quy hoạch được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- *Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng năm.*

(21) Hỗ trợ đầu tư xây dựng các trụ sở UBND cấp xã

a) Đối tượng hỗ trợ:

Đầu tư xây dựng trụ sở UBND cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

b) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu:

- Bố trí vốn cho các dự án có trong quy hoạch, có đủ thủ tục đầu tư;

- Ưu tiên hỗ trợ các xã, phường, thị trấn mới chia tách, các xã chưa có trụ sở; trụ sở UBND xã, phường, thị trấn xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng;

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyên tiếp.

c) Mức vốn hỗ trợ:

- Đối với trụ sở các xã, thị trấn ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển hỗ trợ 100%;

- Đối với trụ sở các xã, phường, thị trấn còn lại hỗ trợ 80%.

(22) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các khu du lịch phát huy hiệu quả và để khách du lịch tiếp cận các khu du lịch;

- Hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch nhằm khai thác các điểm du lịch có khả năng thu hút nhiều khách du lịch từ các trung tâm du lịch tới các vùng phụ cận;

- Hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch tại các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch như: vùng ven biển, vùng du lịch sinh thái, vùng du lịch gắn liền với các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

b) Nguyên tắc bố trí vốn hỗ trợ có mục tiêu:

- Các dự án được hỗ trợ phải nằm trong quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh được phê duyệt, đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định hiện hành;

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch gắn với các điểm, tuyến du lịch thuộc các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng sâu, vùng xa, các địa phương có tiềm năng du lịch nhưng khó khăn về ngân sách.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng đường giao thông từ trục chính đến khu du lịch;

- Các dự án cấp điện hạ thế phục vụ du lịch;

- Dự án cấp thoát nước, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;

- Các dự án xây dựng bến cảng du lịch; chống xói mòn cửa sông, biển, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu du lịch.

d) Mức vốn hỗ trợ:

Mức vốn hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án phù hợp với nguồn vốn do ngân sách Trung ương hỗ trợ và khả năng ngân sách của tỉnh nhưng không quá 80% tổng dự toán xây lắp./.